

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2015

Kính gửi:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 2562 /BGTVT-QLDN ngày 11/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải, Công văn số 1270/BKHĐT-PTDN ngày 29/2/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Tổng công ty) xin báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình thực hiện công bố thông tin hoạt động của Tổng công ty như sau:

I. Công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016:

Tổng công ty ĐSVN đang tập trung xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn năm 2016-2020 phù hợp với mô hình tổ chức mới để trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

Dự kiến cuối tháng 4/2016, sau khi được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020, Tổng công ty ĐSVN sẽ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016 và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

II. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và ba năm gần nhất tính đến năm 2015

Tổng công ty báo cáo tại Phụ lục V kèm theo Báo cáo này

III. Tình hình sắp xếp, đổi mới năm 2015 của Tổng công ty ĐSVN:

Thực hiện Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 21/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2012-2015”. Tổng công ty báo cáo kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2015 như sau:

1. Đối với công tác thoái vốn:

- Hoàn thành công tác thoái vốn đợt 1 tại 8 công ty trước ngày 31/3/2015;
- Thoái vốn đợt 2 tại 14 công ty trước ngày 30/6/2015;
- Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn theo quy định tại Quyết định số 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc bán cổ phần

theo lô và Quyết định số 999/QĐ-UBCK ngày 19/11/2015 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về đấu giá cổ phần theo lô tại sở giao dịch chứng khoán đối với các công ty cổ phần theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

2. Đối với công tác cổ phần hóa:

Đến ngày 21/01/2016, Tổng công ty đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất đối với 24 công ty cổ phần do Tổng công ty ĐSVN nắm giữ 51% và trên 51% vốn điều lệ .

Tổng công ty báo cáo tình hình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo Phụ lục VII Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

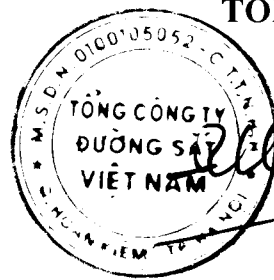
IV. Công bố tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty ĐSVN

Tổng công ty ĐSVN báo cáo về chế độ tiền lương, tiền thưởng tại Phụ lục X Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Kế hoạch và Đầu tư và xin ý kiến chỉ đạo tiếp theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ QLDN Bộ GTVT;
- Cục Phát triển DN Bộ KHĐT;
- Các thành viên HĐTV;
- Ban: TCKT, TCCB, KHKD;
- Văn phòng TCT;
- Lưu: VT, KSNB.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Tá Tùng

PHỤ LỤC V
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
MST: 0100105052

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2016

Năm báo cáo: 2015

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích... theo báo cáo tại Biểu số 01 Phụ lục V;

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:

Trong 3 năm (2013, 2014, 2015) Tổng công ty đã triển khai và hoàn thành rất nhiều dự án, công trình lớn, có ý nghĩa đặc biệt về an toàn giao thông đường sắt, đường bộ. Điển hình là các công trình: Xây dựng mới 3 cầu theo lệnh khẩn cấp: Đồng Nai, Tam Bạc, Thị Cầu (thi công hoàn thành năm 2013); công trình: Xây dựng các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 kế hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp (hoàn thành năm 2014); công trình XHH Xây dựng cầu treo Khe Chè.

Triển khai và thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư 24 dự án gồm: *Dự án Cải tạo các hầm yếu trên ĐSTN ; Dự án Đường sắt trên cao Trảng Bom – Hoà Hưng; Dự án Nâng cao an toàn cầu đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh (Giai đoạn 2); Dự án Cải tạo tuyến đường sắt khu vực đèo Hải Vân ; Dự án Khôi phục cầu Long Biên; Dự án Xây dựng đường sắt tiêu chuẩn Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội thuộc chương trình Hai hành lang một vành đai kinh tế (TMĐT lớn vượt 35 nghìn tỷ nên phải trình QH); Dự án đầu tư xây dựng công trình ĐS từ ga Lào Cai (Việt Nam) đến ga Hà Khẩu (Trung Quốc); Dự án “Cải tạo đường sắt khu vực đèo Khe Nét”; Hiện đại hoá TTHH đoạn Vinh- TP Hồ Chí Minh giai đoạn 2; Hiện đại hoá thông tin tín hiệu đường sắt các tuyến: Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Đồng Đăng, Hà Nội - Thái Nguyên và khu đầu mối Hà Nội giai đoạn 2 (TMĐT dự kiến là 1.161 tỷ); Dự án “Xây dựng các cầu để tách đường bộ khỏi cầu chung đường sắt (Bổ sung vào giai đoạn 3, kế hoạch 1856)”; Dự án “Xây dựng hàng rào, đường gom (phần bổ sung) theo quyết định 1856, giai đoạn 3”; Dự án “Đền bù giải tỏa các vị trí vi phạm HLAT đường sắt tại 5*

ting, TP: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Biên Hòa và TP Hồ Chí Minh”; Dự án “Lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo Quyết định 1856, giai đoạn 2-Tiểu dự án 2”; Dự án “Nâng cấp cải tạo một số đường ngang vi phạm điều lệ đường ngang” (288 ĐN); Dự án Đường sắt Diêu Trì - Nhơn Bình - cảng Nhơn Hội; Dự án Khôi phục cầu Long Biên giai đoạn 1, Gia cố đảm bảo an toàn cầu Long Biên phục vụ vận tải ĐS đến năm 2020; Dự án Cải tạo 10 ga: Cà Ná, Sông Mao, Sông Lũy, Suối Vắn, Trảng Táo, Bảo Chánh, Long Khánh, Dầu Giây, Trảng Bom, Hố Nai thuộc khu đoạn ĐS Nha Trang – TP HCM; Dự án các hạng mục công trình bảo lũ; Đề án đảm bảo ATGTĐS đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Dự án thay tà vẹt bê tông K1, K2, tà vẹt sắt bằng tà vẹt BTĐUL kéo dài đường ga đặt thêm đường số 3 đối với ga chỉ có 2 đường đoạn Vinh - Nha Trang; Dự án “Hệ thống bán vé điện tử của Tổng công ty ĐSVN; Dự án “Mở rộng ga Xuân Giao A”; Công trình Cải tạo nhà cơ quan Tổng công ty ĐSVN;

Trong đó:

- Năm 2014, thực hiện Quyết định số 3092/QĐ-BGTVT ngày 13/8/2014, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã bàn giao Chủ đầu tư về Bộ GTVT 08 dự án sử dụng vốn ODA gồm: Dự án Đường sắt trên cao Trảng Bom – Hoà Hưng; Dự án Nâng cao an toàn cầu đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh (Giai đoạn 2); Dự án Cải tạo tuyến đường sắt khu vực đèo Hải Vân; Dự án Khôi phục cầu Long Biên; Dự án Xây dựng đường sắt tiêu chuẩn Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội thuộc chương trình Hai hành lang một vành đai kinh tế; Dự án “Cải tạo đường sắt khu vực đèo Khe Nét”; Hiện đại hoá TTTH đoạn Vinh- TP Hồ Chí Minh giai đoạn 2; Hiện đại hoá thông tin tín hiệu đường sắt các tuyến: Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Đồng Đăng, Hà Nội - Thái Nguyên và khu đầu mối Hà Nội giai đoạn 2.

- Các dự án đã hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư: Dự án “Khôi phục cầu Long Biên giai đoạn 1, Gia cố đảm bảo an toàn cầu Long Biên phục vụ vận tải ĐS đến năm 2020”; Dự án “Hệ thống bán vé điện tử của Tổng công ty ĐSVN”; Công trình “Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các ĐN hợp pháp nhưng vi phạm điều lệ ĐN”.

- Đối với các dự án đã được Bộ GTVT Quyết định cho phép lập dự án hoặc đã phê duyệt nhưng chưa được bố trí vốn: Đã hoàn thành công tác lập Báo cáo chủ trương đầu tư 8 dự án trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định. Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn để đưa vào danh mục Kế hoạch trung hạn 2016-2020.

c) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Thuận lợi: Tổng công ty ĐSVN đã được Chính phủ, các Bộ ngành và Bộ Giao thông vận tải quan tâm chỉ đạo như:

+ Công tác tái cơ cấu: đến nay đã thực hiện xong cổ phần hóa 24 công ty TNHH MTV thành các công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Tổng công ty ĐSVN;

+ Cấp kinh phí sự nghiệp kinh tế cho công tác duy tu kết cấu hạ tầng đường sắt nhằm đảm bảo giữ ổn định chất lượng hạ tầng ĐS phục vụ cho công tác vận tải;

+ Được ngân sách sách bố trí vốn cho việc thực hiện một số dự án trọng điểm của Tổng công ty như đã nêu tại điểm b mục này;

+ Được sự phối hợp của các Bộ ngành và các địa phương nơi có đường sắt đi qua để đảm bảo an toàn giao thông vận tải, an ninh trật tự và phục vụ tốt cho công tác chạy tàu.

-Khó khăn:

+ Do đặc thù của hoạt động kinh doanh đường sắt là cần có vốn đầu tư lớn của Nhà nước và xã hội để đảm bảo nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt và chất lượng phương tiện để đáp ứng nhu cầu của xã hội về chất lượng phục vụ khách, hàng hóa ngày càng tốt hơn, có cơ hội cạnh tranh với các loại hình vận tải khác như: hàng không, đường bộ, đường thủy.... Vì vậy ngành Đường sắt rất cần được Nhà nước, các Bộ ngành và Bộ Giao thông vận tải tạo kiện bố trí các nguồn vốn để nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác vận tải;

+ Hiện nay các loại hình vận tải như hàng không, đường bộ, đường biển... đang được đầu tư lớn, hệ thống đường bộ cao tốc đã và đang mở rộng trên các địa bàn của toàn quốc, điều này đã thu hút một phần lượng hành khách, hàng hóa đang vận chuyển bằng đường sắt chuyển sang đi các phương tiện khác.

d) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai của Tổng công ty ĐSVN:

Tổng công ty đang xây dựng kế hoạch giai đoạn 5 năm (2016-2020) để trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, trong đó các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Sản lượng, doanh thu tăng trưởng bình quân hàng năm từ 8% trở lên;
- Thu nhập bình quân của Người lao động tăng trưởng hàng năm từ 8% trở lên;
- Thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA TỔNG CÔNG TY ĐSVN

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Ước thực hiện năm 2015
1	Sản phẩm chủ yếu	Tr.đ	4.361.652	4.597.566	5.012.616	5.025.500
a)	Vận tải		343.825	348.400	280.440	345.600
b)	Công nghiệp		1.788.204	2.171.305	937.417	930.500
c)	Xây lắp		1.897.254	2.269.500	2.254.008	2.190.500
d)	Quản lý CSHT		2.147.548	2.024.537	662.504	338.200
e)	Dịch vụ du lịch					250.361
g)	Công ty mẹ					
2	Tổng doanh thu	Tỷ đ	10.390	11.171	9.272	9.087
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ. đ	198	176	224	220
4	Nộp ngân sách	Tỷ đ				
5	Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ đ				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích				1.752	1.752
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đ				
a)	Nguồn ngân sách					223
b)	Vốn vay					
c)	Vốn khác					
8	Tổng lao động			14.564	16.665	5.452
9	Tổng quỹ lương			975.344	1.297.927	595.272
a)	Quỹ lương quản lý	Tr.đ		2.808	4.949	5.363
b)	Quỹ lương lao động	Tr.đ		972.536	1.292.978	589.909

Ghi chú:

- Năm 2015, thực hiện chủ trương tái cơ cấu của Tổng công ty ĐSVN đã được Thủ tướng chính phủ và Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, Công ty mẹ - Tổng công ty ĐSVN chỉ còn 17 chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc và cơ quan Tổng công ty;

- Từ ngày 01/1/2015 các công ty vận tải đường sắt Hà nội, Sài Gòn trước đây là đơn vị phụ thuộc Tổng công ty ĐSVN chuyển thành công ty TNHH MTV do Tổng công ty ĐSVN nắm giữ 100% vốn điều lệ, nên số lao động và quỹ lương của người lao động theo báo cáo năm 2015 có biến động so với năm 2014 (giảm 11.213 người).

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

BIỂU SỐ 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CÓ PHẦN CHI PHỐI

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2013			Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Ước thực hiện năm 2016		
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tổng vốn đầu tư
	<i>1</i>	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Công ty con do Cty mẹ nắm giữ 100% VDL	258.8		258.8	1,381.4		1,381.4	1,381.4		1,381.4	0.0		0.0
1	Công ty TNHH MTV QLDS Yên Lào	15.7	100%	15.7	15.7	100%	15.7	15.7	100%	15.7			
2	Công ty TNHH MTV QLDS Vĩnh Phú	11.0	100%	11.0	11.0	100%	11.0	11.0	100%	11.0			
3	Công ty TNHH MTV QLDS Hà Lạng	14.5	100%	14.5	14.5	100%	14.5	14.5	100%	14.5			
4	Công ty TNHH MTV QLDS Hà Thái	11.3	100%	11.3	11.3	100%	11.3	11.3	100%	11.3			
5	Công ty TNHH MTV QLDS Hà Hải	10.7	100%	10.7	10.7	100%	10.7	10.7	100%	10.7			
6	Công ty TNHH MTV QLDS Hà Ninh	13.9	100%	13.9	13.9	100%	13.9	13.9	100%	13.9			
7	Công ty TNHH MTV QLDS Thanh Hóa	16.7	100%	16.7	16.7	100%	16.7	16.7	100%	16.7			
8	Công ty TNHH MTV QLDS Nghệ Tĩnh	15.0	100%	15.0	15.0	100%	15.0	15.0	100%	15.0			
9	Công ty TNHH MTV QLDS Quảng Bình	10.6	100%	10.6	10.6	100%	10.6	10.6	100%	10.6			
10	Công ty TNHH MTV QLDS Bình Trị Thiên	10.6	100%	10.6	10.6	100%	10.6	10.6	100%	10.6			
11	Công ty TNHH MTV QLDS Q.Nam - Đ.Năng	11.3	100%	11.3	11.3	100%	11.3	11.3	100%	11.3			
12	Công ty TNHH MTV QLDS Nghĩa Bình	8.8	100%	8.8	8.8	100%	8.8	8.8	100%	8.8			
13	Công ty TNHH MTV QLDS Phú Khánh	13.8	100%	13.8	13.8	100%	13.8	13.8	100%	13.8			
14	Công ty TNHH MTV QLDS Thuận Hải	13.1	100%	13.1	13.1	100%	13.1	13.1	100%	13.1			
15	Công ty TNHH MTV QLDS Sài Gòn	13.1	100%	13.1	13.1	100%	13.1	13.1	100%	13.1			
16	Công ty TNHH MTV TTTT ĐS Bắc Giang	7.1	100%	7.1	7.1	100%	7.1	7.1	100%	7.1			

	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	Công ty TNHH MTV TTH ĐS Hà Nội	8.6	100%	8.6	8.6	100%	8.6	8.6	100%	8.6			
18	Công ty TNHH MTV TTH ĐS Vinh	10.2	100%	10.2	10.2	100%	10.2	10.2	100%	10.2			
19	Công ty TNHH MTV TTH ĐS Đà Nẵng	5.4	100%	5.4	5.4	100%	5.4	5.4	100%	5.4			
20	Công ty TNHH MTV TTH ĐS Sài Gòn	23.6	100%	23.6	23.6	100%	23.6	23.6	100%	23.6			
21	Công ty TNHH MTV Vận tải ĐS Hà Nội				627.6	100%	627.6	627.6	100%	627.6			
22	Công ty TNHH MTV Vận tải ĐS Sài Gòn				455.5	100%	455.5	455.5	100%	455.5			
23	Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An	13.8	100%	13.8	13.8	100%	13.8	13.8	100%	13.8			
24	Công ty TNHH MTV Xe lửa Gia Lâm				39.5	100%	39.5	39.5	100%	39.5			
II	Công ty con do Cty mẹ nắm giữ CP chi phối	133.5		85.9	116.2		78.9	65.0		41.1	1,744.1		1,395.6
1	CTCP Vận tải và thương mại đường sắt	31.2	73.51%	23.0	31.2	73.51%	23.0						
2	CTCP Vật tư đường sắt Sài Gòn	20.0	73.79%	14.8	20.0	73.79%	14.8						
3	CTCP XNK vật tư thiết bị đường sắt	31.2	51.14%	16.0	31.2	51.14%	16.0	31.2	51.14%	16.0			
4	CTCP Đá Đồng Mô	6.5	51.00%	3.3	6.5	51.00%	3.3	6.5	51.00%	3.3			
5	CTCP Cơ khí đường sắt Đà Nẵng	7.2	72.02%	5.2									
6	CTCP Đầu tư và xây dựng GTVT	20.0	55.00%	11.0									
7	CTCP Toa xe Hải Phòng	17.4	71.97%	12.6	19.2	71.97%	13.8	19.2	71.97%	13.8			
8	CTCP In đường sắt Sài Gòn				8.1	99.00%	8.0	8.1	99.49%	8.0			
9	CTCP Đường sắt Yên Lào										19.0	51.00%	9.7
10	CTCP Đường sắt Vĩnh Phú										12.3	51.00%	6.3
11	CTCP Đường sắt Hà Lạng										16.5	51.00%	8.4
12	CTCP Đường sắt Hà Thái										15.0	51.63%	7.7
13	CTCP Đường sắt Hà Hải										13.8	51.00%	7.0
14	CTCP Đường sắt Hà Ninh										15.1	51.00%	7.7
15	CTCP Đường sắt Thanh Hóa										20.9	51.00%	10.6
16	CTCP Đường sắt Nghệ Tĩnh										14.9	51.00%	7.6
17	CTCP Đường sắt Quang Bình										17.6	51.00%	9.0
18	CTCP Đường sắt Bình Trị Thiên										18.5	51.00%	9.4
19	CTCP Đường sắt Q.Nam - Đ.Năng										15.8	51.00%	8.0
20	CTCP Đường sắt Nghĩa Bình										18.1	51.00%	9.2
21	CTCP Đường sắt Phú Khánh										20.0	51.00%	10.2

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
22	CTCP Đường sắt Thuận Hải												
23	CTCP Đường sắt Sài Gòn										16.9	64.50%	10.9
24	CTCP TTHH Đường sắt Bắc Giang										20.5	51.00%	10.4
25	CTCP TTHH Đường sắt Hà Nội										7.9	51.00%	4.0
26	CTCP TTHH Đường sắt Vinh										22.5	51.00%	11.5
27	CTCP TTHH Đường sắt Đà Nẵng										13.1	51.00%	6.7
28	CTCP TTHH Đường sắt Sài Gòn										10.8	51.00%	5.5
29	CTCP Vận tải đường sắt Hà Nội										30.7	75.77%	23.3
30	CTCP Vận tải đường sắt Sài Gòn										800.1	91.62%	733.5
31	CTCP Xe lửa Dĩ An										503.1	78.44%	394.6
32	CTCP Xe lửa Gia Lâm										65.0	86.85%	56.5
	Tổng cộng	392.3		344.7	1,497.6		1,460.3	1,446.4		1,422.5	1,744.1		1,395.6

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
22	Công ty TNHHMTV Vận tải ĐS Sài Gòn				x		x	x	x	x			60.00%	Bán tiếp CP	78.44%
23	Công ty TNHHMTV Xe lửa Dĩ An				x		x	x	x	x			75.00%	Bán tiếp CP	86.85%
24	Công ty TNHHMTV Xe lửa Gia Lâm				x		x	x	x	x			75.00%	Bán tiếp CP	77.37%
II	Công ty con do Cty mẹ nắm giữ CP chi phối														
1	CTCP XNK vật tư thiết bị đường sắt			x									0.00%	Thoái vốn	51.14%
2	CTCP Đá Đồng Mô			x									0.00%	Thoái vốn	51.00%
3	CTCP Toa xe Hải Phòng			x									0.00%	Thoái vốn	71.97%
4	CTCP In đường sắt Sài Gòn			x									0.00%	Thoái vốn	99.49%
III	Công ty liên kết														
1	CTCP Đá Mỹ Trang			x									0.00%	Thoái vốn	44.44%
2	CTCP Dịch vụ du lịch ĐS Hà Nội			x									0.00%	Thoái vốn	40.00%
3	CTCP Dịch vụ đường sắt KV1			x									0.00%	Thoái vốn	40.00%
4	CTCP Hải Vân Nam			x									0.00%	Thoái vốn	2.57%
5	CTCP Tư vấn ĐT&XD công trình 1			x									0.00%	Thoái vốn	37.75%
6	CTCP Viễn thông - tín hiệu đường sắt			x									0.00%	Thoái vốn	38.13%
7	CTCP Vĩnh Nguyên			x									0.00%	Thoái vốn	32.89%
8	CTCP Xây dựng công trình Đà Nẵng			x									0.00%	Thoái vốn	38.46%
9	CTCP Tư vấn đầu tư & xây dựng GTVT			x									0.00%	Thoái vốn	49.00%
10	CTCP TCT công trình đường sắt			x									0.00%	Thoái vốn	48.04%
11	CTCP Công trình 6			x									0.00%	Thoái vốn	29.00%
12	CTCP Đầu tư & xây dựng công trình 3			x									0.00%	Thoái vốn	24.67%
13	CTCP Tư vấn đầu tư & xây dựng ĐS			x									0.00%	Thoái vốn	20.00%
14	CTCP Xây lắp & cơ khí Cầu đường			x									0.00%	Thoái vốn	35.33%
15	CTCP Công trình 2			x									0.00%	Thoái vốn	49.97%
16	CTCP ĐTPPT hạ tầng và đô thị ĐS			x									0.00%	Thoái vốn	20.00%
17	CTCP Đầu tư & xây dựng GTVT			x									0.00%	Thoái vốn	12.05%
18	CTCP Vận tải & thương mại đường sắt			x									35.00%	Thoái vốn	
19	CTCP In đường sắt			x									0.00%	Thoái vốn	49.00%

Phụ lục X
BÁO CÁO CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG,
TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
MST: 0100105052

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2016

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty ĐSVN:

a) Nguyên tắc xác định tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty ĐSVN:

- Quỹ tiền lương người lao động của Công ty mẹ Tổng Công ty ĐSVN được xây dựng theo Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu, gắn với mức tăng (giảm) năng suất lao động bình quân và lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Quỹ tiền lương VCQL của Công ty mẹ Tổng Công ty ĐSVN được xây dựng theo Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu gắn với các điều kiện: bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, mức nộp ngân sách nhà nước, mức tăng (giảm) năng suất lao động bình quân và lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Việc phân phối tiền lương của người lao động trong doanh nghiệp: căn cứ khối lượng công việc và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của đơn vị.

- Việc phân phối tiền lương của Viên chức quản lý: căn cứ vào Quỹ tiền lương được chủ sở hữu phê duyệt, phân phối cho VCQL theo mức độ đánh giá hoàn thành chất lượng công việc.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

2. Báo cáo quỹ tiền lương tiền thưởng của Tổng công ty ĐSVN

Biểu báo cáo quỹ tiền lương, thù lao của doanh nghiệp năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015
I	Hạng công ty được xếp		Đặc biệt	Đặc biệt
II	Tiền lương của lao động			
1	Lao động	Người	5.503	5.452
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	9.445	8.983
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	625.679	589.909
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	-	-
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	9.445	8.983
III	Tiền lương của người quản lý DN			
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	12	12
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	29,414	29,414
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	4.742,077	5.363,871
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	32,355	36,644
5	Quỹ tiền thưởng		-	-
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng	-	-
7	Mức thu nhập bình quân của VCQL	Triệu đồng/ tháng	32,355	36,644

(Quỹ tiền lương thực hiện của VCQL năm 2015 là số dự kiến, số chính thức đang chờ Bộ Giao thông vận tải phê duyệt).

